

Số: /TB-UBND

Phước Bình, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Thực hiện dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741
đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội khóa XV Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp (giao lần 1);

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp (giao lần 1);

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai); Quyết định 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/07/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh về thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long;

Căn cứ Quyết định 3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 23/06/2022 của UBND thị xã Phước Long (cũ) về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long;

Căn cứ Bản đồ, mảnh trích đo địa chính (mảnh số 10, 14, 15, 19) do Công ty TNHH Giang Sơn thực hiện, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) thẩm định ngày 23/8/2022;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND phường Phước Bình về việc Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (sau đây gọi tắt là Hội đồng 336);

Căn cứ Thông báo số 112/TB-UBND ngày 07/10/2022 của UBND thị xã Phước Long (cũ) về việc Thông báo thu hồi đất phục vụ dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long);

Căn cứ Kế hoạch số 259/KH-HĐBT ngày 27/7/2026 của Hội đồng 336 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long);

Theo đề nghị của Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường tại Tờ trình số 605/TTr-KTHT&ĐT ngày 26/7/2026,

UBND phường Phước Bình thông báo cụ thể như sau:

1. Thu hồi đất của 08 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trên địa bàn phường Phước Bình, thành phố Đồng Nai.

(Chi tiết có danh sách kèm theo).

2. Vị trí khu đất, loại đất, diện tích thu hồi:

- Vị trí khu đất thu hồi: Khu phố 1, khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thành phố Đồng Nai.

- Tổng diện tích dự kiến thu hồi khoảng: 8.408m².

- Loại đất thu hồi: Đất ở đô thị (ODT) 200m²; Đất nông nghiệp (CLN): 8.208m².

3. Lý do thu hồi đất:

Thực hiện dự án: Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long.

4. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Theo Kế hoạch số Kế hoạch số 259/KH-HĐBT ngày 27/7/2026 của Hội đồng 336.

5. Dự kiến về kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:

Dự kiến Kế hoạch di chuyển: Sau khi UBND phường ban hành Quyết định thu hồi đất, đồng thời phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) của dự án, Ban QLDA khu vực Phước Long phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, thời gian hoàn thành trong 15 ngày. Việc di chuyển và bàn giao mặt bằng thực hiện trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Bố trí tái định cư: Thực hiện theo quy định *(nếu có)*.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Đề nghị các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất nêu trên có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng 336 thực hiện thống kê đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành (*dự kiến trong năm 2026*).

Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan không chấp hành thì Nhà nước triển khai thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

6.2. Giao Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án:

Có trách nhiệm giao Thông báo này cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); Trường hợp không nhận thông báo hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản cụ thể.

6.3. Giao Văn phòng HĐND và UBND phường

- Văn phòng HĐND và UBND chỉ đạo Bộ phận chuyên môn có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Ban Điều hành khu phố 1, Phước Vĩnh: Niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở làm việc và Hội trường khu phố.

- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp: Thông báo trên hệ thống truyền thanh của địa phương theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND phường;
- Phòng KTHT&ĐT;
- Ban QLDA KV Phước Long;
- VPĐKĐĐ - Chi nhánh Phước Long;
- Ban Tiếp công dân phường;
- Như Mục 6 của Thông báo;
- TV. Hội đồng theo QĐ 336;
- LĐVP, CVK^{KTSX};
- Lưu: VT. (Lâm/2026/GPMB)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Sơn

STT	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất		Tên chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
			ODT	CLN			
1	2	383,6		383,6	Phạm Cung	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
	4	682,9		682,9	Phạm Cung	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
2	10	64,2		64,2	Hoàng Thống	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
3	2	709,0	100	609,0	Nguyễn Thị Liên	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
4	1	495,6	100	395,6	Nguyễn Dũng	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
5	2	1134,7		1134,7	Trần Thanh Ngân	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	
6	7	2545,1		2545,1	Nguyễn Thị Diệu Hoà	khu phố 1, phường Phước Bình	
7	6	785,6		785,6	Huỳnh Văn Hoà	khu phố 1, phường Phước Bình	
	10	1300,4		1300,4	Huỳnh Văn Hoà	khu phố 1, phường Phước Bình	
8	18	74,4		74,4	Hoàng Tứ (Trịnh Trung Nghĩa)	khu phố 1, phường Phước Bình	
	19	232,5		232,5	Hoàng Tứ (Trịnh Trung Nghĩa)	khu phố 1, phường Phước Bình	
	Tổng DT	8.408	200	8.208			